

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/HS-PT

Ngày: 31-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2023/TLPT-HS ngày 08/5/2023 đối với bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Trần Tuấn A**, tên gọi khác: Gô; sinh năm 1986, tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ 2, thôn ĐL, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Minh Ng; có vợ Nguyễn Thị Nh và có 02 người con, sinh năm 2014 và 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Xuân D**, sinh năm 1977, tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: 120/1 NTB, Phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ (đã chết) và bà Lương Thị T (đã chết); có vợ Hoàng Nguyễn Cẩm V và có 02 người con, sinh năm 2008 và 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 75/HSST ngày 24/7/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Đánh bạc*”, đã đóng 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ tiền phạt vào ngày 12/8/2015; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47358 ngày 02/3/2010 của Công an phường 12, thành phố Đà Lạt xử phạt 5.000.000đ về hành vi “*Dùng nhà hoặc địa điểm của mình để chứa bạc*”, đã nộp phạt vào ngày 16/3/2010; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47444 ngày 21/12/2010 của Công an phường 12, thành phố Đà Lạt xử phạt 150.000đ về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*”, đã nộp phạt vào ngày 24/12/2010; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5484 ngày 17/5/2016 của Công an phường 12, thành phố Đà Lạt xử phạt 750.000đ về hành vi “*Đánh nhau*”, đã nộp phạt vào ngày 09/6/2016; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 8837 ngày 21/9/2017 của Công an phường 12, thành phố Đà Lạt xử phạt 750.000đ về hành vi “*Đánh nhau*”, đã nộp phạt vào ngày 21/12/2017; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 946/QĐ-XPHC ngày 24/9/2020 của Công an thành phố Đà Lạt xử phạt 750.000đ về hành vi “*Đánh nhau*”, đã nộp phạt vào ngày 06/10/2020; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 18/01/2021 của Công an thành phố Đà Lạt xử phạt 1.000.000đ về hành vi “*Đánh nhau*”, đã nộp phạt vào ngày 01/02/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Mai Văn T**, sinh năm 1977, tại: Thái Bình; nơi cư trú: 39 HN, thị trấn LN, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N và bà Nguyễn Thị S; có vợ Phạm Thị T và có 02 người con, sinh năm 1999 và 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 50/2011/HSST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Đánh bạc*”, bị cáo đã đóng 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và đóng 10.000.000đ tiền phạt thành nhiều lần, kết thúc vào ngày 14/5/2019 (số tiền đánh bạc 2.300.000đ); bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Tỉnh*: Luật sư Nguyễn Văn Huân - Công ty luật TNHH hăng luật Hưng Đạo; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

4. Họ và tên: **Đỗ Quỳnh L**, tên gọi khác: Giao; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1974, tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: 42 TP, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Th; có chồng Phan Minh Ch và có 02 người con, sinh năm 1997 và 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ và tên: **Bùi Thị Tuyết V**, tên gọi khác: Ty; sinh năm 1971, tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: 342B TP, Phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu Th (đã chết) và bà Lê Thị B; có chồng Phan Xuân M (Quý) (đã ly hôn) và có 02 người con, sinh năm 1991 và 2001; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 134/2009/HSST ngày 29/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Đánh bạc*”, đã đóng 3.000.000đ tiền phạt và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 08/5/2012; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ và tên: **Phan Thị Kim T**; sinh năm 1982, tại: Ninh Thuận; nơi cư trú: 39A NVL, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Lý B và bà Nguyễn Thị L; có chồng Nguyễn Trung Th và có 02 người con, sinh năm 2005 và 2008; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 45/2015/HSST ngày 18/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 10.000.000đ về tội “*Đánh bạc*”, đã đóng 10.000.000đ tiền phạt, 4.119.000đ tiền sung quỹ và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 01/9/2015; tại Bản án số 27/2020/HSST ngày 12/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 70.000.000đ về tội “*Đánh bạc*”, đã đóng tiền phạt; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Họ và tên: **Lưu Văn L**, tên gọi khác: Út; sinh năm 1992, tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ 6, thôn TS, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Lợi (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thùy (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Tuyết Sương và có 02 người con, sinh năm 2018 và 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

8. Họ và tên: **Tô Văn T**, sinh năm 1975, tại: Lâm Đồng; ĐKTT: Tổ 6, thôn TS, xã XT, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện ở tại: thôn LV, xã

LX, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Nh (đã chết) và bà Tấn Thị S (đã chết); có vợ Võ Thị Thanh H và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/3/1996, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng*”. Bị cáo đã đóng 400.000đ tiền phạt, 688.572đ bồi thường và 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 27/7/1996; bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Ty*: Luật sư Lê Cao Tánh - Văn phòng Luật sư Bá Tánh. Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo khác không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 16/12/2019, trong lúc ngồi uống cà phê tại quán cà phê Diễm Quỳnh đối diện Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, Đà Lạt, Bùi Thị Tuyết V, Đặng Văn Hòa Ph, Nguyễn Trần Tuấn A cùng một số đối tượng khác rủ nhau đến nhà kho của Nguyễn Trần Tuấn A địa chỉ thôn ĐL, xã XT, Đà Lạt để đánh bạc thì được Tuấn A đồng ý. Sau đó, Tuấn A điều khiển xe máy đi về nhà kho của mình trước, còn cả nhóm con bạc đi theo sau, khi đến nhà kho của Tuấn A, cả nhóm lấy thùng giấy trong kho làm chỗ ngồi, đồng thời chuẩn bị 01 chén sứ, 01 đĩa sành, 04 con vị được cắt từ lá bài tây rồi cùng nhau đánh bạc với hình thức “chẵn lẻ”, cụ thể như sau: một người trong nhóm sẽ bỏ 4 con vị vào chén rồi xóc và đặt chén xuống bàn thì các con bạc chọn bên chẵn hoặc bên lẻ để đặt tiền cá cược. Khi số tiền bên chẵn hoặc bên lẻ bằng nhau thì mở chén để tính thắng thua, trường hợp có bên chẵn hoặc bên lẻ thừa tiền thì người xóc cái hoặc con bạc có thể cá cược để ăn thua số tiền thừa, trường hợp không có ai mua thừa thì con bạc tự rút tiền về. Căn cứ vào kết quả của 4 con vị, nếu 2 mặt úp, 2 mặt ngửa hoặc 4 mặt úp hoặc 4 mặt ngửa thì các con bạc đặt tiền bên chẵn thắng số tiền tương đương đã đặt cược, ngược lại nếu kết quả 3 mặt úp, 1 mặt ngửa hoặc 3 mặt ngửa, 1 mặt úp thì các con bạc đặt tiền bên lẻ thắng số tiền tương đương đã đặt cược. Trong quá trình đánh bạc có Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Phan Thị Kim T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Kim Á, Mai Huy Kh, Đào Duy H, Lưu Văn L, Tô Văn T, Nguyễn Thế Th, Lê Đức T đến cùng tham gia đánh bạc, trong đó Lê Đức T có nhiệm vụ xóc đĩa, con bạc nào thắng sẽ cho T tiền.

Các bị cáo chơi đánh bạc đến khoảng 00 giờ ngày 17/12/2019 thì bị Công an thành phố Đà Lạt phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

1. Nguyễn Trần Tuấn A mang theo 12.100.000đ và sử dụng số tiền 11.500.000đ để đánh bạc. Tuấn A chơi nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 500.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Tuấn A thua 4.500.000đ, còn cầm trên tay 7.000.000đ thì bị các con bạc bỏ chạy hất tung, còn lại số tiền 600.000đ Tuấn A cất trong túi quần không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

2. Trần Xuân D mang theo số tiền 14.540.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Du đánh nhiều ván, mỗi ván từ 500.000đ đến 2.000.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Du thua 4.000.000đ, còn cầm trên tay 10.540.000đ thì bị các con bạc bỏ chạy hất tung 10.000.000 đ, số tiền 540.000đ còn lại bị thu giữ.

3. Mai Văn T mang theo số tiền 49.000.000đ và sử dụng 20.000.000đ để đánh bạc. Tỉnh đánh nhiều ván, mỗi ván từ 1.000.000đ đến 7.000.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Tỉnh thua 2.970.000đ, số tiền 46.030.000đ còn lại bị thu giữ.

4. Đỗ Quỳnh L mang theo số tiền 280.000.000đ và sử dụng 10.000.000đ để đánh bạc. Loan đánh nhiều ván, mỗi ván từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Loan thua 3.000.000đ, số tiền 277.000.000đ còn lại bị thu giữ.

5. Bùi Thị Tuyết V mang theo 50.000.000đ, trả nợ cho Trần Xuân D 10.000.000đ, cho Nguyễn Trần Tuấn A vay 10.000.000đ, Đặng Văn Hòa Ph vay 10.000.000đ, Tân Trịnh Thi vay 8.000.000đ và sử dụng 12.000.000đ để đánh bạc. Vân đánh từ 2 đến 3 ván, mỗi ván 500.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Vân thua 1.000.000đ. Khi bị bắt quả tang, Vân bỏ chạy làm rơi mất số tiền 2.800.000đ, còn lại 8.200.000đ bị thu giữ.

6. Phan Thị Kim T mang theo số tiền 92.800.000đ và sử dụng 2.800.000đ để đánh bạc. Tím đánh 02 ván, một ván 1.500.000đ và một ván 1.300.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Tím thua 2.800.000đ, số tiền 90.000.000đ còn lại bị thu giữ.

7. Nguyễn Thị Kim Á mang theo số tiền 5.490.000đ và sử dụng 1.000.000đ để đánh bạc. Ánh đánh 02 ván, mỗi ván 500.000đ và thắng được 1.000.000đ. Sau khi đánh thắng, Ánh mang tiền về nhà cất rồi chỉ đem theo số tiền 1.150.000đ đến sòng bạc để bán thức ăn. Khi bị bắt quả tang, Ánh bỏ chạy làm rơi mất số tiền 1.000.000đ, còn lại 150.000đ bị thu giữ.

8. Nguyễn Thị M mang theo số tiền 1.000.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Mai đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 200.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Mai thua hết số tiền mang theo.

9. Đặng Văn Hòa Ph mang theo số tiền 11.000.000đ và sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc. Ph đánh nhiều ván, mỗi ván từ 50.000đ đến 100.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Ph thua 1.200.000đ, số tiền 800.000đ Ph vút lên chiếu bạc rồi bỏ chạy.

10. Mai Huy Kh mang theo số tiền 1.500.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Kh đánh nhiều ván, mỗi ván từ 200.000đ đến 300.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Kh thua 800.000đ, số tiền 700.000đ Kh vút lên chiếu bạc rồi bỏ chạy.

11. Đào Duy H mang theo số tiền 2.200.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Hoàng đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 200.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, H thua hết số tiền mang theo.

12. Lưu Văn L mang theo số tiền 2.700.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Linh đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 200.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, L thua hết số tiền mang theo.

13. Tô Văn T mang theo số tiền 350.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Ty đánh nhiều ván, mỗi ván từ 50.000đ đến 100.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, T thua hết số tiền mang theo.

14. Nguyễn Thế Th mang theo số tiền 1.000.000đ và sử dụng hết để đánh bạc. Thao đánh nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 200.000đ, tính đến thời điểm bị bắt quả tang, Thao thắng số tiền là 600.000đ.

15. Lê Đức T có nhiệm vụ xóc đĩa cho các con bạc đánh bạc, cuối ngày con bạc nào thắng sẽ cho T tiền. Khi bị bắt quả tang thì T chạy thoát, chưa được con bạc nào cho tiền.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 82.590.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

Số tiền 6.500.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 01 chén sứ, 01 đĩa sành, 04 con vị, 10 bìa giấy cứng kích thước 1 x 0,8m; Số tiền 30.000.000đ tại cửa cuốn bên trái nhà kho; 01 đầu ghi hiệu HIKVISION màu trắng, 01 USB màu xanh hiệu Kingston; 01 USB lưu trữ dữ liệu trích xuất từ đầu thu HIKVISION; 01 xe máy hiệu SUZUKI SATRIA biển số 49B1-559.55 của anh Trần Hữu Tuấn, anh Tuấn không thừa nhận có tham gia đánh bạc và qua xác minh có đặc điểm khác với loại xe thu giữ, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ; 01 xe máy hiệu WAVE biển số 49V2-7594 của anh Trương Công Thắng; anh Thắng không thừa nhận có tham gia đánh bạc và khai nhận bán xe cho một người không rõ tên tuổi,

địa chỉ. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ; 01 xe máy hiệu HONDA SONIC biển số 65L1-321.80 của anh Tô Thanh Hùng; 01 xe máy hiệu VESPA PIAGIO biển số 72F1-054.55 của chị Lê Thị Bích Chi; 01 xe máy hiệu JUPITER biển số 49P2-2671 của ông Nghiêm Bá Sơn, ông Sơn Khai bị mất chiếc xe này tại Đức Trọng năm 2012, nhưng xe ông Sơn mất là xe Sirius chứ không phải xe Jupiter như đã thu giữ, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh làm rõ; 01 xe máy hiệu HONDA VISION biển số 49B1-481.72 của chị Trần Lê Bảo Nguyên; 01 xe máy hiệu Ware biển số 47C1- 300.94 của Lê Đức Tâm; 01 xe máy hiệu SUZUKI SMASH biển số 49B1-028.75 của Tô Văn T; 01 xe máy hiệu WAVE biển số 49T3-0104 của ông Đặng Văn Hòa Lan;

Thu giữ của Nguyễn Trần Tuấn A số tiền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; Trần Xuân D số tiền là 540.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 7 PLUS màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 màu bạc, 01 bóp da màu nâu; Nguyễn Thị M 01 điện thoại di động hiệu IPHONE X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu vàng, 01 giỏ xách màu xanh; Mai Văn T số tiền 46.030.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu vàng; Nguyễn Thị Kim Á số tiền 150.000 đồng, 01 điện thoại di động loại phím bấm màu đen; Đỗ Quỳnh L số tiền là 277.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia dạng phím bấm màu đen, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu vàng; Bùi Thị Tuyết V số tiền 8.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 PLUS màu vàng; Phan Thị Kim T số tiền 90.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu trắng; Nguyễn Văn Đạt số tiền 1.600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho: Nguyễn Trần Tuấn A số tiền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; Trần Xuân D 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 7 PLUS màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 màu bạc, 01 bóp da màu nâu; Nguyễn Thị M 01 điện thoại di động hiệu IPHONE X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu vàng, 01 giỏ xách màu xanh; Mai Văn T số tiền 29.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu vàng; Nguyễn Thị Kim Á số tiền 150.000 đồng, 01 điện thoại di động loại phím bấm màu đen; Đỗ Quỳnh L số tiền là 270.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia dạng phím bấm màu đen, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu vàng; Bùi Thị Tuyết V 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 PLUS màu vàng; Phan Thị Kim T số tiền 90.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE X màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX màu trắng; Nguyễn Văn Đạt số tiền

1.600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG màu đen, 01 xe máy hiệu VESPA PIAGIO biển số 72F1-054.55; Tô Thanh Hùng 01 xe máy hiệu HONDA SONIC biển số 65L1-321.80; Trần Lê Bảo Nguyên 01 xe máy hiệu HONDA VISION biển số 49B1-481.72.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn Đạt, sinh năm: 1986, trú tại: Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng và Nguyễn Văn Hương, sinh năm 1975, trú tại: thôn TS, xã XT, Đà Lạt, Lâm Đồng có mặt tại sông bạc, tuy nhiên quá trình điều tra xác định Đạt, Hương không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Tân Trịnh Thi và Phan Xuân Quý, quá trình điều tra xác định Thi và Quý có mặt tại chiếu bạc, tuy nhiên hiện Thi, Quý đi khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 191/CT-VKSĐL ngày 31/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim Á, Nguyễn Thị M, Mai Huy Khương, Đào Duy H, Tô Văn T, Lưu Văn L, Nguyễn Thế Th và Lê Đức T cùng phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim Á, Nguyễn Thị M, Mai Huy Khương, Đào Duy H, Tô Văn T, Lưu Văn L, Nguyễn Thế Th, Lê Đức Tâm; Các bị cáo Mai Huy Khương, Nguyễn Thế Th được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Thị Kim Á, Nguyễn Thị M, Mai Huy Khương, Nguyễn Thế Th được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Trần Tuấn A 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Trần Xuân D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Mai Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bùi Thị Tuyết V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Phan Thị Kim T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đào Duy H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tô Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Lưu Văn L 38 (ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đỗ Quỳnh L 38 (ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Nguyễn Thị Kim Á 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Nguyễn Thị M 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019 thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Nguyễn Thê Th 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Mai Huy Khương 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/01/2023, bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/01/2023, bị cáo Trần Xuân D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2023, bị cáo Tô Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/01/2023, các bị cáo Đỗ Quỳnh L, Phan Thị Kim T kháng cáo xin phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 27/01/2023, bị cáo Bùi Thị Tuyết V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/01/2023, các bị cáo Mai Văn T, Lưu Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản án sơ thẩm, khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử; đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L; giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T và Lưu Văn L, giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Phan Thị Kim T từ 18 tháng đến 24 tháng tù, giảm cho bị cáo Bùi Thị Tuyết V, Tô Văn T, Lưu Văn L 06 tháng tù; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Lưu Văn L được hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách theo quy định.

Luật sư Huân bào chữa cho bị cáo Mai Văn T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định s, t, u, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Luật sư Tánh bào chữa cho bị cáo Ty đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 65 bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản án sơ thẩm quy kết. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 17/12/2019 các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim Á, Nguyễn Thị M, Mai Huy Khương, Lê Đức Tâm, Đào Duy H, Tô Văn T, Lưu Văn L và Nguyễn Thế Th tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa trong nhà kho của Nguyễn Trần Tuấn A tại xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 82.590.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim Á, Nguyễn Thị M, Mai Huy Khương, Lê Đức Tâm, Đào Duy H, Tô Văn T, Lưu Văn L và Nguyễn Thế Th phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Tô Văn T, Lưu Văn L thì thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phan Thị Kim T có ông bà nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét vai trò, số tiền của từng bị cáo tham gia đánh bạc, nhân thân của các bị cáo để xử phạt các bị cáo với mức án như trên là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình biên lai đã đóng khoản tiền phạt bổ sung như bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Tỉnh xuất trình thêm tình tiết bố đẻ của bị cáo có thành tích cống hiến được Nhà nước tặng thưởng huân chương nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Lưu Văn L, Mai

Văn T, Phan Thị Kim T xuất trình xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra về cung cấp tin báo, tố giác tội phạm nên áp dụng cho các bị cáo này tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo xuất trình các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho tất cả các bị cáo. Bị cáo Phan Thị Kim T tham gia đánh bạc với số tiền ít, vai trò không đáng kể nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Đối với bị cáo Lưu Văn L có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, số tiền tham gia đánh bạc ít, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Việc Luật sư Huân đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm u, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Tỉnh là không có căn cứ, vì bị cáo xuất trình tình tiết đã cung cấp tin báo, tố giác tội phạm cho Công an huyện Di Linh được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cha đẻ của bị cáo có thành tích cống hiến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ. Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền sẽ không đảm bảo công tác giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, bởi vì trong vụ án, bị cáo sử dụng số tiền lớn nhất để tham gia đánh bạc, bản thân bị cáo vào năm 2011 đã bị xử phạt 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và cho hưởng án treo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Tô Văn T, Lưu Văn L; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T, Đỗ Quỳnh L, Bùi Thị Tuyết V, Phan Thị Kim T, Tô Văn T, Lưu Văn L cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A, Trần Xuân D, Mai Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Tuấn A 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Thị Tuyết V, Tô Văn T, Đỗ Quỳnh L

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Tuyết V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Tô Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đỗ Quỳnh L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Thị Kim T

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kim T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày

17/12/2019 đến ngày 25/12/2019. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Văn L

Xử phạt bị cáo Lưu Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (31/8/2023). Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lưu Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố Đà Lạt (10);
- VKSND thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS thành phố Đà Lạt (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (08); Luật sư (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Mạnh Hùng